

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 86/2020/DS-ST

Ngày: 24 -9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Truyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoà và ông Lê Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Chính là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-DS ngày 02/3/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1341 /2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977; bà Đặng Thị H, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố DLN, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD.

- Bị đơn: Ông Bùi Xuân Đ, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn PT, xã MĐ, huyện PM, tỉnh BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2020, các biên bản làm việc tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H trình bày:

Ngày 22/02/2019 ông Bùi Xuân Đ và bà Nguyễn Thị M vay của vợ chồng ông, bà số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 02 tháng. Ngày 16/03/2019 ông Bùi Xuân Đ và bà Nguyễn Thị M vay thêm số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 03 tháng. Tổng cộng, ông Đ, bà M vay của vợ chồng ông, bà số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Đã đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, bà M không trả lại số tiền đã vay trên cho ông, bà Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà M phải trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), vợ chồng ông, bà không yêu cầu trả lãi suất.

* Bị đơn ông Bùi Xuân Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2020: Do cần tiền để làm ăn nên ngày 22/02/2019 vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông S, bà H số tiền 40.000.000 đồng, ngày 16/3/2019 vợ chồng ông vay thêm 60.000.000 đồng. Tổng cộng, vợ chồng ông vay của vợ chồng ông S, bà H số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền trên vợ chồng ông vay để làm biển nhưng việc làm ăn bị thua lỗ, hiện nay vẫn chưa trả lại số tiền trên cho vợ chồng ông S, bà H. Nay vợ chồng ông S, bà H yêu cầu trả nợ, ông xin trả dần số nợ trên, ông xin con ông được bao nhiêu thì ông trả bấy nhiêu.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; giấy triệu tập xét xử theo quy định tại các Điều 170 và Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị M không đến tòa và không có văn bản ghi ý kiến của bà Nguyễn Thị M phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 72, 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đại diện viện kiểm sát pháp biểu quan điểm:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Quan điểm về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H số tiền 100.000.000 đồng. Về án phí Ông Đ, bà M phải chịu theo quy định của luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với vợ chồng ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M. Đây là vụ án tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M có địa chỉ thường trú tại thôn PT, xã MĐ, huyện PM, tỉnh BD nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Ngày 22/02/2019 ông Bùi Xuân Đ và bà Nguyễn Thị M vay của vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 02 tháng. Ngày 16/03/2019 ông Bùi Xuân Đ và bà Nguyễn Thị M

vay thêm 60.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 03 tháng. Tổng cộng, vợ chồng ông Đ, bà M vay của vợ chồng ông S, bà H số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Đã đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, bà M không trả lại số tiền đã vay trên cho vợ chồng ông S, bà H nên vợ chồng ông S, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà M phải trả lại cho vợ chồng ông, bà S số tiền 100.000.000 đồng, vợ chồng ông S, bà H không yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà M phải trả lãi suất đối với khoản tiền vay trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Xuân Đ thừa nhận có vay của vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H, tổng cộng 100.000.000 đồng. Số tiền trên vợ chồng ông vay về để làm biển và hiện nay ông chưa trả lại cho vợ chồng ông S, bà H.

Tuy nhiên, ông Đ nại rằng: Do việc làm ăn bị thua lỗ, hiện nay vẫn chưa trả lại số tiền trên cho vợ chồng ông S, bà H. Nay vợ chồng ông S, bà H yêu cầu trả nợ, ông xin trả dần số nợ trên, ông xin con ông được bao nhiêu thì ông trả bấy nhiêu.

Việc nại này của ông Đ không được ông S, bà H chấp nhận và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đ, bà M cố tình trốn tránh, thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông Đ, bà M phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, ông Đ, bà M có vay của ông S, bà H số tiền 100.000.000 đồng. Hiện nay ông Đ, bà M vẫn chưa trả số tiền đã vay trên cho ông S, bà H. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M liên đới trả lại cho ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H.

Buộc vợ chồng buộc vợ chồng ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Xuân Đ, bà Nguyễn Thị M phải nộp 5.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh S, bà Đặng Thị H 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S, bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0001116 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Truyền